

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO BẰNG
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 198/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30/11/2019

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG - TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Mai

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vũ Kim Hoa

2. Ông Luân Văn Lý

- Thư ký phiên tòa: Ông Lục Đức Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Ma Ngọc Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 218/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Dương Thị H - sinh năm 1992;

Trú tại: Thôn N, thị trấn N, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H - sinh năm 1989;

Trú tại: Tổ M, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Hiện nay đang bị tạm giam trong vụ án hình sự tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 21/10/2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Dương Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn H kết hôn vào ngày 14/11/2011, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh Cao Bằng. Khi cưới, bà và ông H đều ở nhà.

Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu

thuần do ông H không quan tâm chăm sóc gia đình, hay rượu chè. Trong quá trình mâu thuẫn hai vợ chồng có cãi vã và xảy ra xô xát. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không đạt kết quả. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng căng thẳng và bà đã về nhà ngoại tại Bắc Kạn từ năm 2015 đến nay. Từ khi về nhà mẹ đẻ, bà và ông H không còn quan tâm đến nhau nữa. Những lúc bà gọi điện hay về Cao Bằng là để thăm con. Năm 2019, ông H bị bắt về hành vi mua bán trái phép chất ma túy và bị xử phạt 24 tháng tù. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục mối quan hệ hôn nhân và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống bà và ông H có 01 (một) con chung là Nguyễn Bảo H (Giới tính: nữ) - sinh ngày: 11/4/2012. Sau khi ly hôn, bà sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay bà đang làm công nhân tại khu công nghiệp T, Bắc Ninh với thu nhập 6.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai do Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng lập ngày 30/10/2019 tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Cao Bằng, bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Dương Thị H kết hôn vào năm 2011, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, được tìm hiểu, tổ chức lễ cưới, kê khai đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S, thành phố C. Khi kết hôn ông làm lái xe còn bà H ở nhà.

Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì bà H tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ tại N, N, Bắc Kạn mà không nói với ông và gia đình nhà chồng. Từ khi kết hôn đến năm 2015 giữa hai vợ chồng không có mâu thuẫn, không có cãi vã cũng như xô xát. Mối quan hệ giữa bà H với bố mẹ chồng cũng như họ hàng nhà chồng không phát sinh vấn đề gì. Vào năm 2015 trước khi ông đi làm về có trao đổi thông tin với bà H thì được biết bà H đã về nhà mẹ đẻ và đi làm tại khu công nghiệp Samsung. Ngoài thông tin đó ra bà H không có thông tin gì với ông nữa. Thời gian đầu sau khi bỏ đi ông và bà H thì thoảng vẫn liên lạc, tuy nhiên sau đó bà H đã đổi sim điện thoại để cắt đứt liên lạc. Năm 2018, bà H về thăm nhà với mục đích đề nghị ly hôn nhưng ông không đồng ý với lý do muốn gia đình đoàn tụ. Từ khi bà H đi làm tại Samsung ông muốn xuống thăm nhưng bà H không nhất trí và che dấu địa chỉ. Ông có liên hệ với gia đình nhà ngoại để biết thông tin của bà H nhưng bố mẹ bà H đều trả lời không biết bà H ở đâu. Ông xác định tình cảm vợ chồng không còn và ông nhất trí ly hôn.

Về con chung: Ông xác nhận quá trình chung sống ông và bà H có một con chung là cháu Nguyễn Bảo H (Giới tính: nữ) - Sinh ngày: 11/4/2012. Hiện nay cháu đang sống với bố mẹ đẻ ông tại Tổ M, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Trường hợp ly hôn, ông muốn được nuôi cháu H. Kể từ khi bà H bỏ đi (năm 2015) cháu H đều do ông và bố mẹ ông trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc

và giáo dục. Tất cả mọi chi phí sinh hoạt, học tập của cháu H đều do ông và bố mẹ ông chi trả. Bà H thỉnh thoảng mua đồ sinh hoạt cũng như gửi tiền mặt về cho bố mẹ ông.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện nay ông đang bị tạm giam về tội mua bán trái phép chất ma túy từ ngày 21/6/2019 nên không thể có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án, ông đề nghị Tòa án tiến hành phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như xét xử vắng mặt ông.

Ngày 14/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai đối với cháu Nguyễn Bảo H là con chung của bà Dương Thị H và ông Nguyễn Văn H. Cháu xác nhận hiện nay cháu đang sống với ông bà nội tại Tổ M, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Trong trường hợp bố mẹ ly hôn cháu muốn sống với mẹ vì mẹ yêu thương và quan tâm đến cháu nhiều hơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng trình bày: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo thủ tục tố tụng dân sự, không có vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị H, cho bà Dương Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn H. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Bảo H (Giới tính: nữ) - sinh ngày: 11/4/2012 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc đến khi con chung đủ 18 tuổi, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên đương sự xác nhận không có tài sản chung, nợ chung nên không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến trình bày của nguyên đơn, bị đơn, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng: Bà Dương Thị H viết đơn khởi kiện “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” với ông Nguyễn Văn H. Bị đơn cư trú tại Tổ M, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Do ông Nguyễn Văn H đang bị tạm giam trong vụ án hình sự nên Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đã trực tiếp tổng đạt thông báo thụ

lý và tiến hành lấy lời khai đối với ông Nguyễn Văn H tại Nhà giam giữ Công an thành phố Cao Bằng theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông H đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị H kết hôn với ông Nguyễn Văn H vào ngày 14/11/2011, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình và kê khai đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh Cao Bằng. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Dương Thị H và ông Nguyễn Văn H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3]. Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Nguyên đơn cho rằng trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng có mâu thuẫn xảy ra do ông H không quan tâm chăm sóc đến gia đình, hay rượu chè. Khi mâu thuẫn giữa hai vợ chồng trở nên căng thẳng bà đã về nhà mẹ đẻ tại N, Bắc Kạn từ năm 2015 đến nay. Tại biên bản lấy lời khai ông H xác nhận giữa hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì từ khi kết hôn đến trước khi bà H bỏ về nhà mẹ đẻ. Và từ ngày 21/6/2019 ông bị bắt và bị tạm giam về hành vi mua bán trái phép chất ma túy.

Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù có sự dối lập trong lời khai của các bên đương sự liên quan đến mâu thuẫn vợ chồng trong quá trình chung sống nhưng có một thực tế là các bên đương sự đã không chung sống với nhau từ năm 2015 đến nay. Bên cạnh đó, ngày 06/11/2019 ông H bị Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng kết án 24 tháng tù về tội mua bán trái phép chất ma túy. Bà H và ông H đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng được ghi nhận trong quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc chấp nhận yêu cầu của bà H, ý kiến của ông H cũng như quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về con chung: Bà Dương Thị H và ông Nguyễn Văn H có 01 (một) con chung là Nguyễn Bảo H (Giới tính: nữ) - sinh ngày: 11/4/2012. Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ vào điều kiện hoàn cảnh hiện nay của bà H và ông H cũng như nguyện vọng của cháu H cần giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp, đảm bảo điều kiện vật chất, nhu cầu phát triển toàn diện về mọi mặt của con chung và đúng quy định của pháp luật. Bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông H đều xác nhận không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 4 Điều 147, Điều 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị H.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử bà Dương Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

[2]. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Bảo H (Giới tính: nữ) - sinh ngày: 11/4/2012 cho bà Dương Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Dương Thị H và ông Nguyễn Văn H xác nhận không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí: Bà Dương Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà Dương Thị H đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2018/0000570 ngày 29/10/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Bà Dương Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Bà Dương Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn H (vắng mặt tại phiên tòa có lý do) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhân:

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Đương sự;
- UBND phường S;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**T M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Quỳnh Mai